

TRƯỜNG THCS VIỆT HÙNG

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: ĐỊA 6

NĂM HỌC 2024-2025

A. MỤC TIÊU

1. Kiến Thức:

Kiểm tra lại các nội dung kiến từ tuần 1 đến tuần 5:

- Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu của bộ môn
- Những điều lí thú khi học môn Địa lí
- Địa lí và cuộc sống
- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ
- Tỷ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỷ lệ bản đồ
- Lịch sử và cuộc sống
- Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ
- Lịch sử và cuộc sống
- Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử?
- Thời gian trong lịch sử
- Nguồn gốc loài người

2. Năng lực:

- Xác định được: kinh tuyến gốc, các kinh tuyến Đông và kinh tuyến Tây; vĩ tuyến gốc, các đường vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam; nửa cầu Đông và nửa cầu Tây, nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam trên bản đồ và quả Địa Cầu
- Xác định được toạ độ địa lí của một điểm trên bản đồ và quả Địa Cầu.
- Đọc và hiểu nội dung bản đồ dựa vào kí hiệu bản đồ.
- Vận dụng kiến thức giải quyết tình huống thực tế

B- Dạng bài

PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM: Chọn một đáp án đúng nhất

* PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

Câu 1. Hiện tượng, quá trình nào sau đây các em sẽ được tìm hiểu trong phân môn Địa lí 6?

- A. Sự chuyển hoá năng lượng trong các chất.
- B. Hiện tượng các mùa.
- C. Sự lớn lên của cơ thể sinh vật.
- D. Sự biến dạng của lo xo.

Câu 2. Hình vẽ dưới đây liên quan đến kĩ năng nào trong môn Địa lí?



- A. Bản đồ.
- B. Biểu đồ.
- C. Bảng số liệu.
- D. Sơ đồ.

Câu 3. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

- A. 0^0 .
- B. $23^027'$.
- C. $66^033'$.
- D. 90^0 .

Câu 4. Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến

- A. 0^0 . B. 60^0 . C. 90^0 . D. 180^0 .

Câu 5. Cho điểm X (60^0 B, 35^0 T), điểm này nằm ở

- A. bán cầu Bắc và nửa cầu Đông. B. bán cầu Nam và nửa cầu Đông.
C. bán cầu Bắc và nửa cầu Tây. D. bán cầu Bắc và nửa cầu Đông.

Câu 6. Học địa lí giúp em:

- A. Khám phá được tự nhiên, văn hóa, kinh tế nhiều nơi trên thế giới
B. Giải thích các hiện tượng vật lý.
C. Tìm hiểu lịch sử của nhân loại.
D. Nắm vững công thức Hóa học

Câu 7. Kinh tuyến Tây là:

- A. Là kinh tuyến nằm bên phải của kinh tuyến gốc.
B. Là kinh tuyến nằm bên trái của kinh tuyến gốc.
C. Nằm ở phía trên xích đạo.
D. Nằm ở phía dưới xích đạo.

Câu 8. Kinh độ của một điểm bất kì được tính bằng độ và là

- A. khoảng cách từ kinh tuyến đi qua điểm đó cho tới cực Bắc.
B. khoảng cách từ kinh tuyến đi qua điểm đó cho tới cực Nam.
C. khoảng cách từ kinh tuyến đi qua điểm đó cho tới kinh tuyến gốc.
D. khoảng cách từ kinh tuyến đi qua điểm đó cho tới vĩ tuyến gốc.

Câu 9. Nước ta nằm ở phía nào của châu Á?

- A. Tây Nam. B. Đông Nam.
C. Tây Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 10. Bản đồ là

- A. hình vẽ thu nhỏ chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
B. hình vẽ thu nhỏ kém tuyệt đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
C. hình vẽ thu nhỏ kém chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
D. hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

Câu 11. Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào

- A. các đường kinh, vĩ tuyến. B. bảng chú giải, tỉ lệ bản đồ.
C. mép bên trái tờ bản đồ. D. các mũi tên chỉ hướng.

Câu 12. Nếu bản đồ không thể hiện các đường kinh tuyến và vĩ tuyến thì chúng ta dựa vào mũi tên chỉ hướng nào sau đây?

- A. Hướng Nam. B. Hướng Đông.
C. Hướng Bắc. D. Hướng Tây.

Câu 13. Bản đồ có tỉ lệ nhỏ hơn 1 : 1 000.000 là những bản đồ có tỉ lệ

- A. nhỏ. B. trung bình. C. lớn. D. rất lớn.

Câu 14. Trong các tỉ lệ bản đồ sau đây, tờ bản đồ nào có mức độ chi tiết cao nhất?

- A. 1: 7.500. B. 1: 200.000.
C. 1: 15.000. D. 1: 1.000.000.

Câu 15. Tỉ lệ bản đồ chỉ rõ

- A. mức độ thu nhỏ khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực địa.
B. độ chính xác về vị trí các đối tượng trên bản đồ so với thực địa.
C. khoảng cách thu nhỏ nhiều hay ít các đối tượng trên quả Địa cầu.
D. độ lớn của các đối tượng trên bản đồ so với ngoài thực địa.

Câu 16. Tỉ lệ bản đồ có ý nghĩa

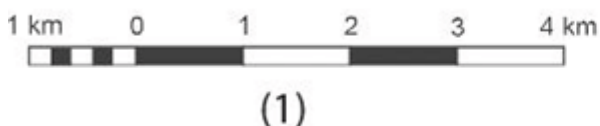
- A. mô tả bản đồ.

- B. thể hiện các đối tượng, hiện tượng địa lí lên bản đồ.
- C. quy định mức độ chi tiết, tỉ mỉ của nội dung bản đồ.
- D. tính khoảng cách thực tế trên bản đồ.

Câu 17. b) Bản đồ có tỉ lệ càng nhỏ thì

- A. càng thể hiện được nhiều đối tượng.
- B. kích thước bản đồ càng lớn.
- C. lãnh thổ thể hiện càng lớn.
- D. lãnh thổ thể hiện càng nhỏ.

Câu 2 trang 11 sách bài tập Địa Lí lớp 6: Hãy chú thích tên dạng tỉ lệ cho hai hình sau:



1 : 1 000 000
(2)

Câu 18. Bản đồ là

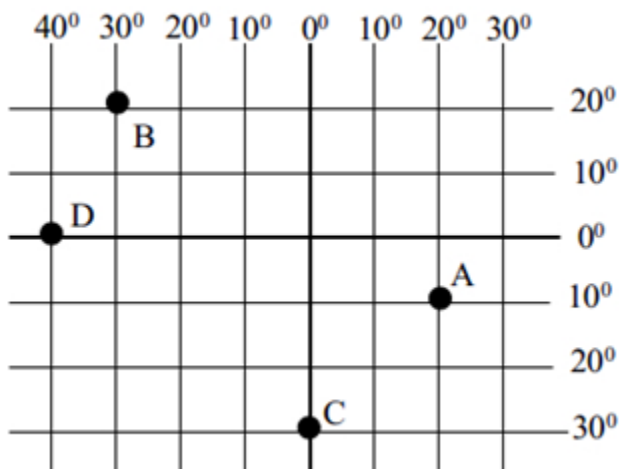
- A. hình vẽ thu nhỏ chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
- B. hình vẽ thu nhỏ kém tuyệt đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
- C. hình vẽ thu nhỏ kém chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
- D. hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

*** PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

PHẦN II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Cho biết nếu vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến cách nhau 10^0 thì trên quả Địa cầu có bao nhiêu kinh tuyến, vĩ tuyến ?

Câu 2. Quan sát hình dưới đây ghi tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.



Câu 3. Thành phố A và thành phố B có khoảng cách thực tế là 500 km, xác định khoảng cách trên bản đồ của hai thành phố, ở các bản đồ có tỉ lệ sau:

1 : 1 000 000 1 : 500 000, 1 : 10 000 000

Câu 4. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1 : 6 000 000, khoảng cách từ Thủ đô Hà Nội đến thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5 cm. Vậy trên thực tế, thành phố Vinh cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?

Câu 3 (Câu hỏi 2 trang 107 Địa Lí lớp 6): **Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ**

1. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1:6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố Hải Phòng và thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) lần lượt là 1,5 cm và 5 cm, vậy trên thực tế hai thành phố đó cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?

2. Hai địa điểm có khoảng cách thực tế là 25 km, thì trên bản đồ có tỉ lệ 1:500 000, khoảng cách giữa hai địa điểm đó là bao nhiêu?

BGH duyệt

Tổ, nhóm CM

Người ra đề

Chu Thị Trúc